

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **24/2024/HNGĐ – ST**

Ngày: 01/4/2024

"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Đức Hòa;

2/ Bà Trần Thị Chín;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 206/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐST – HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1986

HKTT: ấp H, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

Nơi cư trú: khu Đ, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Phan Trọng Q, sinh năm: 1983

Nơi cư trú: khu Đ, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Trọng Q tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 2005 nhưng đến năm 2015 mới tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước cấp giấy đăng ký kết hôn số 37/2015, ký ngày 13/5/2015. Trong thời gian chung sống thì giữa vợ chồng xảy ra cãi vã, anh Phan Trọng Q không chăm lo cho vợ con, mang tài sản trong nhà đi cầm cố, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi vợ con khuyên răn thì anh Phan Trọng Q không nghe và nhiều lần có hành vi bạo lực với chị, mắng chửi gây ồn ào làm ảnh hưởng đến giấc ngủ của hàng xóm chung quanh. Sự việc này diễn ra nhiều lần khiến chị bị tổn thương về mặt sức khỏe, chịu áp lực về mặt tinh thần. Nay vợ chồng không còn tình cảm, việc chung sống không mang lại hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phan Trọng Q.

Về con chung: Có 04 con chung tên là Phan Nhật H, sinh năm: 2006, Phan Nguyễn Trà M, sinh năm: 2014, Phan Trường H, sinh năm: 2020 và Phan Nam H, sinh năm: 2020. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L về việc ly hôn với anh Phan Trọng Q.

Về con chung: Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Phan Nhật H, sinh năm: 2006, Phan Nguyễn Trà M, sinh năm: 2014, Phan Trường H, sinh năm: 2020 và Phan Nam H, sinh năm: 2020 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Trọng Q (là bị đơn) vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Phan Trọng Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Trọng Q đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Lộc Hiệp, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước cấp giấy đăng ký kết hôn số 37/2015, ký ngày 13/5/2015. Lời khai của chị Nguyễn Thị L và anh Phan Trọng Q phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 02). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị L và anh Phan Trọng Q là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Nguyễn Thị L: Chị Nguyễn Thị L khai nhận quá trình chung sống anh Phan Trọng Q không chăm lo cho vợ con, mang tài sản trong nhà đi cầm cố, bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi vợ con khuyên răn thì anh Phan Trọng Q không nghe và nhiều lần có hành vi bạo lực với chị, đe dọa tính mạng, sức khỏe của chị. Ngoài ra, anh Phan Trọng Q thường xuyên mắng chửi, xúc phạm danh dự nhân phẩm của chị gây ồn ào, áp lực về mặt tinh thần, ảnh hưởng đến giấc ngủ của vợ con và hàng xóm chung quanh. Lời khai của chị Nguyễn Thị L phù hợp với lời khai của người làm chứng (bút lục số 24). Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Tại điểm h khoản 2 Điều 5 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“2. Cấm các hành vi sau đây: h. Bạo lực gia đình..”*. Như vậy, có đủ căn cứ xác định anh Phan Trọng Q vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng làm làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không*

thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Do đó, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị L.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L khai nhận vợ chồng có 04 con chung tên là cháu Phan Nhật H, sinh năm: 2006, Phan Nguyễn Trà M, sinh năm: 2014, Phan Trường H, sinh năm: 2020 và Phan Nam H, sinh năm: 2020. Lời khai của chị Nguyễn Thị L phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp.

Chị Nguyễn Thị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 04 con chung. Xét, cháu Phan Trường H và cháu Phan Nam H còn nhỏ tuổi cần sự quan tâm, chăm sóc trực tiếp của cha hoặc mẹ. Xét, chị Nguyễn Thị L làm nghề buôn bán, có đủ điều kiện, thu nhập để đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung thể hiện ở việc thời gian vừa qua chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 04 con chung. Mặt khác, cháu Phan Nhật H và cháu Phan Nguyễn Trà M có nguyện vọng được người mẹ (chị Nguyễn Thị L) trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của trẻ em, đảm bảo sự ổn định về môi trường sống và tâm sinh lý cho trẻ em và tôn trọng ý kiến của cháu Phan Nhật H và cháu Phan Nguyễn Trà M. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Phan Nhật H và cháu Phan Nguyễn Trà M, cháu Phan Trường H và cháu Phan Nam H cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị L, anh Phan Trọng Q không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L, anh Phan Trọng Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị L, anh Phan Trọng Q không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Các vấn đề khác:

[7.1] Bị đơn anh Phan Trọng Q đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, được xem như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

[7.2] Về án phí: tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7.3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Phan Trọng Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 37/2015, ký ngày 13/5/2015 của Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước không có giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao Phan Nhật H, sinh ngày: 06/6/2006, Phan Nguyễn Trà M, sinh ngày: 25/01/2014, Phan Trường H, sinh ngày: 27/9/2020 và Phan Nam H, sinh ngày: 27/9/2020 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Các bên có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Trọng Q, chị Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: Anh Phan Trọng Q, chị Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Anh Phan Trọng Q, chị Nguyễn Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0001298 ký ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước.

7. Quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/4/2024). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh